TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THĂNG BÌNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2023/DS -ST
Ngày: 15 – 02 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng gia công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Trinh
Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Hoàng
bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST - DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng gia công"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 04, thôn A, xã B, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

2. Bị đơn: - Ông Bùi Thành T, sinh năm 1962

- Bà Ngô Thị N, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Tổ 02, thôn A, xã B, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 04, thôn A, xã B, huyện Thăng Bình, Quảng Nam.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Ngày 26/4/2021 bà Ngô Thị N (vợ ông Bùi Thành T) đến nhà ông T nhờ ông đốn hạ giùm mấy cây mít để lấy gỗ làm nhà. Ông T đồng ý, đến ngày 04/5/2021 vợ chồng ông đến nhà vợ chồng ông T để xem mít và kêu người đốn cây. Số cây mít đốn tổng cộng là 17 cây mít. Đốn xong thì vợ chồng ông T nhờ ông kêu người xẻ mít và phơi gỗ. Vài ngày sau vợ chồng ông T nói ông lên nhà ông T xem bản vẽ do ông T cung

cấp và làm cửa, đồ gỗ theo bản vẽ của ông T. Cụ thể là làm cửa chính, cửa sổ khung gỗ kính cường lực, suốt cầu thang, sườn tủ bếp, cửa hông, khung ngoại của toàn bộ ngôi nhà. Hai bên thỏa thuận giá ra thành phẩm: cửa gỗ giá 750.000đ/m^2 ; cửa sổ khung gỗ kính cường lực giá 700.000đ/m^2 ; suốt cầu thang giá 800.000đ/m^2 ; sườn tủ bếp giá 1.000.000đ/m tới ; cửa hông giá 700.000đ/m^2 ; khung ngoại của toàn bộ ngôi nhà giá (tường đôi 180.000đ/m tới - tường chiếc 140.000đ/ tới). Giá công thợ tiện suốt cầu thang là 7.000.000đ. Hai bên thỏa thuận giá cả từng sản phẩm, nhưng do ông tin tưởng vợ chồng ông T nên không làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Khi thỏa thuận chỉ có vợ chồng ông T, bà N và vợ chồng ông chứng kiến. Quá trình gia công thì đã bàn giao cho T 01 cửa chính, 01 cánh cửa hông, 01 sườn tủ bếp, 54 cây suốt cầu thang, 121m khung ngoại với giá ra sản phẩm tổng cộng là 32.000.000 đồng. Vợ chồng ông T đã thanh toán cho ông số tiền 6.100.000 đồng. Số tiền còn lại vợ chồng ông T chưa thanh toán cho ông là 25.900.000 đồng, nhưng do ông thấy vợ chồng ông T là chỗ bà con xóm làng nên ông giảm còn 25.000.000 đồng. Nhưng sau đó vợ chồng ông T không chịu trả tiền còn lại cho ông với lý do cho rằng ông trộm gỗ của ông T và bàn giao sản phẩm không đúng thời hạn như hai bên thỏa thuận.

Hiện nay tại nhà ông vẫn còn 08 khung cửa sổ, 01 khung cửa hông, toàn bộ khung gió của nhà, tay vịn cầu thang, cộng cửa tủ bếp ông chưa bàn giao cho ông T do ông T chưa thanh toán số tiền còn lại cho ông để ông bàn giao tiếp. Hai bên đã xảy ra tranh chấp và nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Tại công an xã B thì vợ chồng ông T thừa nhận có thuê ông làm gia công sản phẩm gỗ cho vợ chồng ông T gồm 17 cây mít, quá trình gia công ông T cho rằng không còn nợ nần tiền bạc của ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Bùi Thành T và bà Ngô Thị N phải trả cho ông số tiền nợ là 25.000.000 đồng.

- *Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Thành T và bà Ngô Thị N thống nhất cùng trình bày*: Năm 2020 vợ chồng ông tiến hành xây nhà nên vợ chồng ông có nhờ ông Ngô Văn T đốn hạ 16 cây mít trong vườn và sau này thêm một đoạn nữa, tổng cộng là 17 cây mít trong vườn nhà và gia công số gỗ mít để làm cửa và nội thất trong nhà. Ông yêu cầu gia công làm toàn bộ hệ thống cửa, cầu thang, tủ bếp ga (tủ thượng, tủ hạ), tủ cầu thang trong vòng 03 tháng, nhưng ông T nói 02 tháng là xong nhưng cuối cùng không xong. Hai bên thoả thuận đến trước ngày 20/8/2020 (âm lịch) ông T phải hoàn thành sản phẩm và bàn giao sản phẩm đúng hẹn cho vợ chồng ông. Thì bên ông mới trả tiền công theo giá thị trường cho ông T nhưng đến ngày 20/8/2020 thì ông T không bàn giao sản phẩm đúng hẹn. Sản phẩm ông T bàn giao cho vợ chồng ông gồm 1 gian cửa chính gồm 4 tấm; 01 tấm cửa hông; 01 bộ song suốt cầu thang, 01 khung gỗ bếp ga (trong đó gỗ bếp ga chỉ có 01 phần là gỗ mít của ông, còn lại là không phải).

Ngoài ra, vợ chồng ông và ông T chưa có thoả thuận về giá cả thành phẩm như ông T trình bày, ông chỉ có nghe ông T nói gia công toàn bộ hệ thống cửa, nếu đưa người khác gia công thì có giá 750.000đ/m^2, nhưng ông T làm lấy giá gia công chỉ 700.000đ/m^2 . Tổng số tiền vợ chồng tôi đã ứng trước cho ông T là 6.100.000 đồng.

Những sản phẩm do ông T đã bàn giao không tương ứng với số gỗ mà vợ chồng ông đã giao cho ông T gia công, nên vợ chồng ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc vợ chồng ông phải trả cho ông T số tiền nợ là 25.000.000 đồng.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị D trình bày: thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Văn T yêu cầu ông Bùi Thành T và bà Ngô Thị N phải trả cho ông T số tiền còn nợ là 25.000.000 đồng.

- Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: gồm bản chính bản tường trình sự việc, bản phô tô biên bản làm việc tại Công an xã Bình An; tài liệu về nhân thân của các đương sự; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quan điểm trình bày của các đương sự; biên bản công khai chứng cứ và hòa giải; thủ tục tố tụng tại Tòa án và các tài liệu liên quan khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T, nhưng xét thấy nguyên đơn có một phần lỗi khi chưa bàn giao đủ sản phẩm gia công cho bị đơn, gây T hại cho bị đơn. Do đó, nguyên đơn phải chịu hậu quả bù trừ toàn bộ số tiền gia công sản phẩm gỗ mít và bù trừ khối lượng 0,563 m^3 gỗ mít còn lại tại nhà nguyên đơn theo kết luận định giá tài sản. Giao cho nguyên đơn ông T khối lượng 0,563 m^3 gỗ mít tại nhà nguyên đơn cho nguyên đơn tiếp tục quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Ngô Văn T khởi kiện ông Bùi Thành T và bà Ngô Thị N về tranh chấp đòi tiền theo hợp đồng gia công. Đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn ông Bùi Thành T và bà Ngô Thị N đang cư trú tại tổ 02, thôn A, xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam do vậy Toà án nhân dân huyện Thăng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T yêu cầu vợ chồng ông T, bà N phải trả cho ông T số tiền gia công là 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: các đương sự thừa nhận có thoả thuận miệng gia công số lượng 17 cây mít để làm toàn bộ hệ thống cửa, đóng ráp cầu thang, tủ bếp ga (tủ thượng, tủ hạ), tủ cầu thang, ông T đã nhận của vợ chồng ông T, bà N tiền tạm ứng trước cho ông T là 6.100.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông T chỉ yêu cầu ông T, bà N trả cho ông số tiền gia công còn lại là 25.000.000 đồng. Vợ chồng ông T, bà N không đồng ý theo yêu cầu của ông T với lý do là ông T không hoàn thành sản phẩm và bàn giao sản phẩm đúng hẹn cho vợ chồng ông, trong thời hạn 03 tháng, sản

phẩm giao không chất lượng, cong vênh, số lượng gỗ ít hơn so với số lượng gỗ mít gia đình ông cung cấp, số lượng gỗ mít còn lại của gia đình ông vẫn còn tại nhà ông T chưa bàn giao.

Hội đồng xét xử xét thấy về thoả thuận gia công: Theo quy định thì giao dịch gia công làm cửa gỗ giữa ông T với ông T, bà N không bắt buộc phải thoả thuận bằng văn bản, hai bên đều thừa nhận có thoả thuận bằng miệng và đã tạm ứng số tiền gia công 6.100.000 đồng, nguyên đơn ông T cũng thừa nhận giao sản phẩm chậm trễ cho bị đơn ông T, bà N và chưa bàn giao đủ sản phẩm gia công, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ của bên nhận gia công khi giao sản phẩm cho bên đặt gia công không đúng số lượng, chất lượng, phương thức, thời hạn và địa điểm đã thoả thuận, dẫn đến bên đặt gia công không trả tiền công theo đúng thoả thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn không thống nhất về giá cả sản phẩm như nguyên đơn trình bày theo thoả thuận ban đầu là 32.000.000 đồng.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào ngày 18/7/2022 trong tố tụng dân sự, các sản phẩm gia công gỗ có tại nhà bị đơn ông T, bà N gồm khung ngoại toàn bộ ngôi nhà và 04 tấm cửa chính, suốt cầu thang, sườn tủ bếp mà nguyên đơn đã hoàn thành có tổng giá trị theo giá thị trường là 27.792.760 đồng.

Các sản phẩm gia công còn lại tại nhà nguyên đơn ông T chưa bàn giao theo biên bản định giá ngày 05/12/2022 gồm 08 khung cửa sổ, 02 tay vịn cầu thang, 08 khung gió cửa nhiều kích cỡ, 01 khung cửa hông, 01 bộ cộng cửa tủ bếp. Các sản phẩm gia công trên có giá trị theo giá thị trường là 4.244.800 đồng.

Ngoài ra, tổng khối lượng 0,563 m^3 gỗ mít dùng để gia công các sản phẩm trên tại nhà nguyên đơn có theo kết luận định giá có giá trị là 6.756.000 đồng.

Như vậy, tổng giá sản phẩm gia công đã hoàn thành tại nhà bị đơn và sản phẩm gia công còn tại nhà nguyên đơn chưa bàn giao tổng cộng là 32.037.560 đồng (27.792.760 đồng + 4.244.800 đồng), điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn là thoả thuận miệng tổng cộng số tiền gia công là 32.000.000 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận. Bị đơn đã thanh toán số tiền 6.100.000 đồng, nên số tiền còn lại phải thanh toán là 25.900.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ông T, bà N trả số tiền 25.000.000 đồng. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự trong phạm vi đơn khởi kiện đó.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc vợ chồng ông T, bà N phải trả cho ông T số tiền còn lại là 25.000.000 đồng. Do khối lượng gỗ mít của bị đơn còn tại nhà nguyên đơn chưa giao gây T hại cho bị đơn vì phải mua thêm cây mít và cây keo để thay thế và thuê thợ mộc khác để gia công sản phẩm tương tự, nên được trừ đi số tiền gia công sản phẩm còn lại tại nhà nguyên đơn là 4.244.800 đồng và khối lượng 0,563 m^3 gỗ mít theo kết luận định giá có giá trị là 6.756.000 đồng. Giao cho nguyên đơn ông Ngô Văn T toàn bộ khối lượng 0,563 m^3 gỗ mít còn lại tại nhà nguyên đơn cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Tổng số tiền bị đơn ông T, bà N phải trả cho ông T còn lại là 13.999.200 đồng.

Tại phiên toà, bị đơn không đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản, nhưng không yêu cầu định giá lại. Bị đơn ông T, bà N cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ là các giấy xác nhận của những người làm gia công cho bị đơn, nhưng các tài liệu, chứng cứ này không hợp lệ và bị đơn cũng không đề nghị hoãn phiên toà cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không yêu cầu triệu tập thêm những người làm chứng này. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

[2.2.1]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự đối với số tiền không được chấp nhận (25.000.000 đồng- 13.999.200 đồng = 11.000.800 đồng x 5%) là 550.040 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả cho nguyên đơn là 13.999.200 đồng x 5% là 699.960 đồng.

[2.2.2]. *Về chi phí tố tụng:* tổng chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 4.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp. Bị đơn ông T, bà N phải chịu toàn bộ chi chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165; Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 164; Điều 165; Điều 166; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 542; Điều 544; Điều 545; Điều 546; Điều 547 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T đối với bị đơn ông Bùi Thành T, bà Ngô Thị N về việc *"Tranh chấp hợp đồng gia công"*.

2. Buộc ông Bùi Thành T, bà Ngô Thị N phải trả cho ông Ngô Văn T số tiền 13.999.200 đồng (Mười ba triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng).

3. Giao cho nguyên đơn ông Ngô Văn T 0,563 m^3 khối lượng gỗ mít còn lại tại nhà nguyên đơn cho nguyên đơn quản lý, sử dụng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

[3.1]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn ông Ngô Văn T phải chịu là 550.040 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp là 625.000 đồng tại biên lai thu số 0005692 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 74.960 đồng (Bảy mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Bị đơn ông Bùi Thành T, bà Ngô Thị N phải chịu 699.960 đồng (Sáu trăm chín mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

Bị đơn ông Bùi Thành T và bà Ngô Thị N phải chịu, buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngô Văn T 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Thăng Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thăng Bình;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Trần Thị Mỹ Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**